

**BẢN TIN TUẦN 6**

**“Kết quả quan trắc, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi  
Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp”**

**(ngày lấy mẫu 08-09/03/2023)**

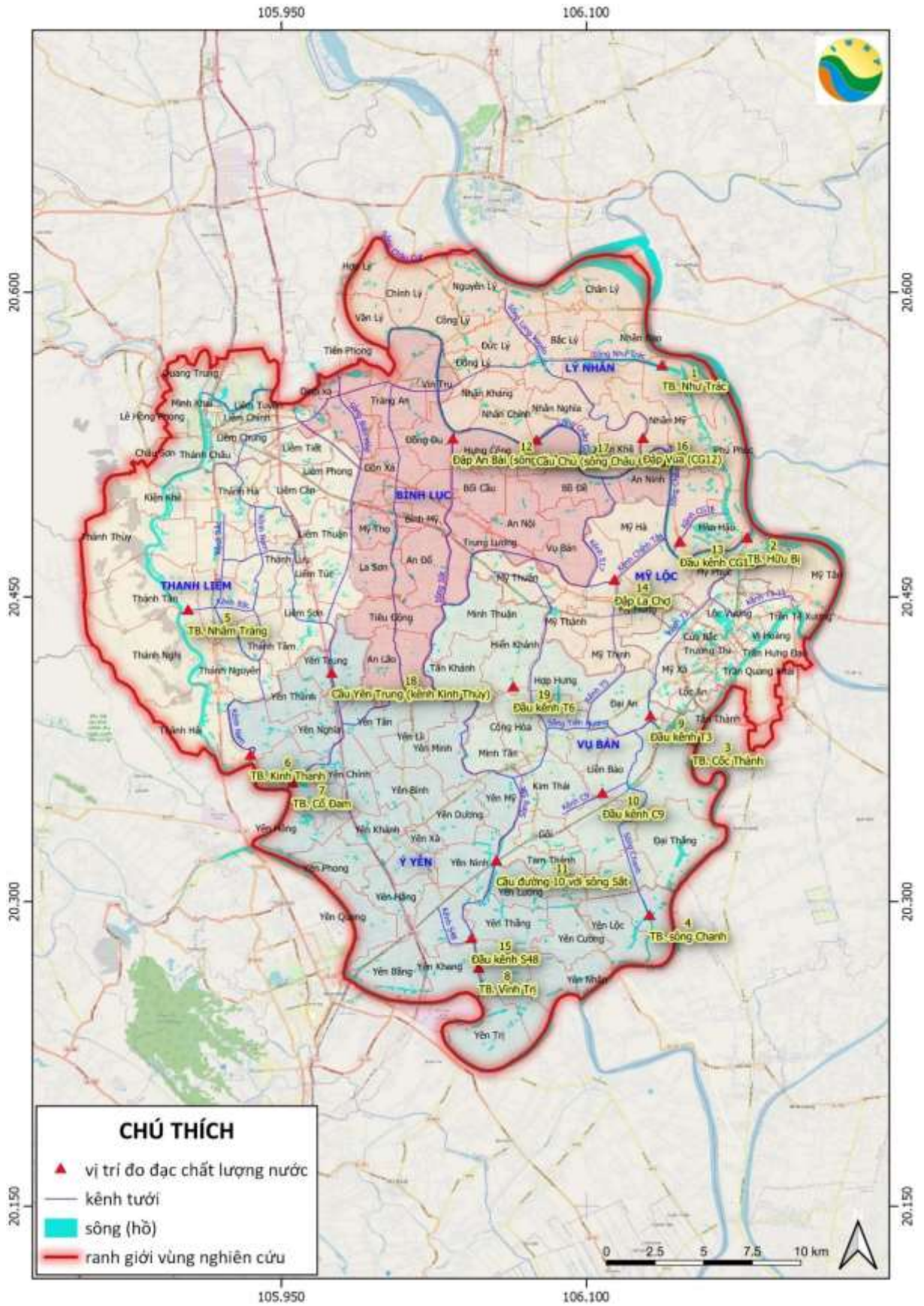
**I. Kết quả giám sát chất lượng nước tuần từ ngày 08 đến ngày 14/03/2022**

**1. Vị trí giám sát**

TT	Tên vị trí lấy mẫu	Nguồn/Sông	Lý do xác định vị trí lấy mẫu
1	Cống Như Trác	Sông Hồng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.
2	Cống Hữu Bị		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.
3	Cống Cốc Thành	Sông Đào	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.
4	Cống sông Chanh		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.
5	Cống Nhâm Tràng	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.
6	Cống Kinh Thanh		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm
7	Cống Cỏ Đam		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cỏ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên
8	Cống Vĩnh Trị		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản
9	Đầu kênh T3	Kênh T3	Kiểm tra chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành
10	Đầu kênh C9	Sông Chanh	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Chanh, tưới tiêu kết hợp cho huyện Ý Yên.

<b>TT</b>	<b>Tên vị trí lấy mẫu</b>	<b>Nguồn/Sông</b>	<b>Lý do xác định vị trí lấy mẫu</b>
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Sông Sắt	Kiểm tra chất lượng nước sông Sắt, tưới tiêu kết hợp khu vực phía nam huyện Ý Yên
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Sông Châu Giang	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.
13	Đầu kênh CG16		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp và nhận nước thải từ KCN Hòa Hậu
14	Đập La Chợ		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.
15	Đầu kênh S48	Kênh S48	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp và khu vực làng nghề mây tre đan huyện Ý Yên.
16	Đập Vùa (CG12)	Kênh Vùa	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Sông Châu Giang	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Kênh Kinh Thủy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	Kênh C19	Kiểm tra chất lượng nước tưới tiêu kết hợp và nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.
20	Đầu kênh T6	Kênh T6	Nước thải TP. Nam Định nhưng vẫn được sử dụng tưới cho khu vực huyện Vụ Bản

# BẢN ĐỒ GIÁM SÁT CLN HỆ THỐNG CTTL BẮC NAM HÀ NĂM 2023



## 2. Thông tin lúc giám sát

STT	Ký hiệu	Tên	Đặc điểm vị trí	Vận hành công trình
1	1	Cổng Như Trác	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 74%, mật độ mây 90%, gió ĐN 11 km/h. Nước màu xanh.	Không có dòng chảy, cống đóng.
2	2	Cổng Hữu Bị	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 90%, gió ĐN 11 km/h. Nước màu xanh.	Dòng chảy nhanh. Cống mở, lấy nước vào.
3	3	Cổng Cốc Thành	Trời nhiều mây, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 90%, gió ĐN 11 km/h. Nước màu xanh.	Cống đóng, không có dòng chảy. Trạm bơm không hoạt động.
4	4	Cổng sông Chanh	Trời nhiều mây, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 80%, gió ĐN 10 km/h. Nước màu vàng lục.	Dòng chảy trung bình. Cống mở lấy nước vào.
5	5	Cổng Nhâm Tràng	Trời nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 55%, mật độ mây 70%, gió ĐN 18 km/h. Nước màu vàng lục.	Không có dòng chảy, trạm bơm không hoạt động. Cống đóng.
6	6	Cổng Kinh Thanh	Trời có mây, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 57%, mật độ mây 80%, gió ĐN 18 km/h. Nước màu vàng lục. Nhiều bèo ở thượng lưu cống.	Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm không hoạt động.
7	7	Cổng Cổ Đam	Trời nhiều mây, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 56%, mật độ mây 80%, gió ĐN 18 km/h. Nước màu vàng lục.	Cống đóng, không có dòng chảy. Trạm bơm đang hoạt động lấy nước vào kênh tưới.
8	8	Cổng Vĩnh Trị	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 80%, gió ĐN 10 km/h. Nước màu vàng nhạt.	Dòng chảy chậm, cống mở, lấy nước vào hệ thống.
9	9	Đầu kênh T3	Trời nhiều mây, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 87%, mật độ mây 90%, gió ĐN 11 km/h. Trên kênh có nhiều bèo. Nước màu xanh lục.	Không có dòng chảy.
10	10	Đầu kênh C9	Trời nhiều mây, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 83%, mật độ mây 85%, gió ĐN 8 km/h. Trên mặt kênh phủ kín bèo. Nước màu xanh lục.	Không có dòng chảy.
11	11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 78%, gió ĐN 10 km/h. Trên kênh có nhiều bèo. Nước màu lục.	Dòng chảy chậm.
12	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Trời nhiều mây, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 67%, mật độ mây 85%, gió ĐN 13 km/h. Nước màu vàng lục, nhiều bèo trên sông.	Đập đóng, không có dòng chảy.
13	13	Đầu kênh CG16	Trời nhiều mây âm u, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 69%, mật độ mây 90%, gió ĐN 3 km/h. Mực nước thấp. Nước màu vàng lục.	Dòng chảy chậm ra sông Châu Giang, cống mở.
14	14	Đập La Chợ	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 71%, mật độ mây 80%, gió ĐN 11	Dòng chảy rất chậm.

STT	Ký hiệu	Tên	Đặc điểm vị trí	Vận hành công trình
			km/h. Nước màu lục.	
15	15	Đầu kênh S48	Trời nắng, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 80%, gió ĐN 10 km/h. Trên kênh có nhiều rác thải, có dấu hiệu phú dưỡng. Nước màu xanh lục.	Dòng chảy rất chậm.
16	16	Đập Vù (CG12)	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 90%, gió ĐN 3 km/h. Nước màu lục.	Dòng chảy trung bình. Đập mở.
17	17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 95%, gió ĐN 3 km/h. Trên mặt sông nhiều bèo, rau muống và rác. Nước màu xanh đen.	Không có dòng chảy.
18	18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Trời nhiều mây, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 59%, mật độ mây 85%, gió ĐN 19 km/h. Nước màu lục. Nhiều bèo trôi trên kênh, nước có dấu hiệu phú dưỡng.	Không có dòng chảy.
19	19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	Trời nhiều mây, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 83%, mật độ mây 85%, gió ĐN 8 km/h. Nước màu vàng lục.	Dòng chảy chậm.
20	20	Đầu kênh T6	Trời nắng, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 85%, gió ĐN 10 km/h. Nước màu vàng lục, nhiều bèo trên kênh.	Dòng chảy chậm.

### 3. Kết quả đo đạc

Số liệu sẽ so sánh với đợt giám sát trước đó (Đ2T2 năm 2023) và cùng kỳ năm ngoái (Đ1T3 năm 2022).

**a. Chỉ tiêu DO**

<b>TT</b>	<b>Tên vị trí giám sát</b>	<b>Đ1T3/2023</b>	<b>Đ2T2/2023</b>	<b>Đ1T3/2022</b>	<b>Trung bình</b>
1	Cống Như Trác	6,700	4,610	5,070	5,460
2	Cống Hữu Bị	6,550	6,190	5,160	5,967
3	Cống Cốc Thành	5,800	6,320	4,910	5,677
4	Cống sông Chanh	6,200	4,700	4,720	5,207
5	Cống Nhâm Tràng	5,170	5,200	4,720	5,030
6	Cống Kinh Thanh	5,030	5,800	5,320	5,383
7	Cống Cổ Đàm	5,620	5,700	4,810	5,377
8	Cống Vĩnh Trị	6,100	5,030	5,070	5,400
9	Đầu kênh T3	5,620	4,210	5,020	4,950
10	Đầu kênh C9	5,270	4,180	4,590	4,680
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	5,950	4,700	5,510	5,387
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	5,720	4,130	4,360	4,737
13	Đầu kênh CG16	4,480	4,200		
14	Đập La Chợ	6,410	6,610	5,260	6,093
15	Đầu kênh S48	4,570	3,100	4,820	4,163
16	Đập Vùa (CG12)	6,690	4,190	4,160	5,013
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	3,540	1,200	4,300	3,013
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	5,090	5,100	5,070	5,087
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	4,700	4,400	4,720	4,607
20	Đầu kênh T6	5,930	3,810	5,150	4,963
Giới hạn B1 QCVN 08-MT: 2015/BTNMT		<b>≥4</b>	<b>≥4</b>	<b>≥4</b>	<b>≥4</b>

**b. Chỉ tiêu NO<sub>3</sub><sup>-</sup>**

<b>TT</b>	<b>Tên vị trí giám sát</b>	<b>Đ1T3/2023</b>	<b>Đ2T2/2023</b>	<b>Đ1T3/2022</b>	<b>Trung bình</b>
1	Cống Như Trác	0,135	0,713	1,384	0,744
2	Cống Hữu Bị	0,158	0,095	1,971	0,741
3	Cống Cốc Thành	0,380	0,068	1,481	0,643
4	Cống sông Chanh	0,317	2,318	1,193	1,276
5	Cống Nhâm Tràng	0,743	0,164	0,529	0,479
6	Cống Kinh Thanh	3,150	0,146	0,621	1,306
7	Cống Cổ Đam	0,608	0,117	0,572	0,432
8	Cống Vĩnh Trị	0,191	1,058	0,443	0,564
9	Đầu kênh T3	0,331	0,284	2,063	0,893
10	Đầu kênh C9	8,550	2,970	5,850	5,790
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	0,203	1,463	0,655	0,774
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	0,857	1,836	1,634	1,442
13	Đầu kênh CG16	1,755	1,634		
14	Đập La Chợ	0,070	0,083	0,945	0,366
15	Đầu kênh S48	1,710	0,185	1,834	1,243
16	Đập Vùa (CG12)	0,230	0,736	3,578	1,515
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	1,913	2,835	2,610	2,453
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	1,643	0,205	0,936	0,928
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	3,870	11,925	3,668	6,488
20	Đầu kênh T6	0,252	1,440	1,557	1,083
Giới hạn B1 QCVN 08-MT: 2015/BTNMT		<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>

**c. Chỉ tiêu BOD<sub>5</sub>**

<b>TT</b>	<b>Tên vị trí giám sát</b>	<b>Đ1T3/2023</b>	<b>Đ2T2/2023</b>	<b>Đ1T3/2022</b>	<b>Trung bình</b>
1	Cống Như Trác	10,300	17,800	20,300	16,133
2	Cống Hữu Bị	9,100	15,600	17,500	14,067
3	Cống Cốc Thành	15,500	13,700	23,700	17,633
4	Cống sông Chanh	12,400	19,600	24,300	18,767
5	Cống Nhâm Tràng	16,900	21,800	19,700	19,467
6	Cống Kinh Thanh	22,400	18,500	21,900	20,933
7	Cống Cổ Đam	18,400	16,800	23,800	19,667
8	Cống Vĩnh Trị	15,500	15,200	17,500	16,067
9	Đầu kênh T3	16,700	20,700	25,700	21,033
10	Đầu kênh C9	24,700	23,700	28,300	25,567
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	16,400	18,200	14,700	16,433
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	24,500	25,700	25,700	25,300
13	Đầu kênh CG16	30,700	30,300		
14	Đập La Chợ	15,300	15,400	16,900	15,867
15	Đầu kênh S48	34,300	35,700	27,600	32,533
16	Đập Vùa (CG12)	21,600	25,800	28,900	25,433
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	36,800	42,500	24,300	34,533
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	20,500	22,700	21,400	21,533
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	26,700	31,700	24,500	27,633
20	Đầu kênh T6	18,800	23,900	20,200	20,967
Giới hạn B1 QCVN 08-MT: 2015/BTNMT		<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>



**d. Chỉ tiêu NH<sub>4</sub><sup>+</sup>**

<b>TT</b>	<b>Tên vị trí giám sát</b>	<b>Đ1T3/2023</b>	<b>Đ2T2/2023</b>	<b>Đ1T3/2022</b>	<b>Trung bình</b>
1	Cống Như Trác	5,478	1,200	0,241	2,306
2	Cống Hữu Bị	1,903	2,038	0,218	1,386
3	Cống Cốc Thành	3,470	2,080	0,614	2,055
4	Cống sông Chanh	0,910	3,260	0,800	1,657
5	Cống Nhâm Tràng	2,605	3,888	0,381	2,291
6	Cống Kinh Thanh	1,888	3,578	0,241	1,902
7	Cống Cổ Đam	1,010	5,500	0,482	2,331
8	Cống Vĩnh Trị	0,838	4,163	0,458	1,819
9	Đầu kênh T3	1,183	5,383	0,474	2,346
10	Đầu kênh C9	1,463	4,518	0,614	2,198
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	0,930	4,170	0,287	1,796
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	2,153	5,178	0,629	2,653
13	Đầu kênh CG16	5,715	7,795		
14	Đập La Chợ	3,330	4,780	0,319	2,810
15	Đầu kênh S48	3,473	10,245	0,637	4,785
16	Đập Vùa (CG12)	2,138	8,405	1,678	4,074
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	6,408	25,025	0,979	10,804
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	2,103	9,043	0,311	3,819
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	1,988	4,428	0,427	2,281
20	Đầu kênh T6	1,860	4,268	0,365	2,164
Giới hạn B1 QCVN 08-MT: 2015/BTNMT		<b>0,9</b>	<b>0,9</b>	<b>0,9</b>	<b>0,9</b>

Chỉ tiêu DO đợt 1 tháng 3 năm 2023 tăng giảm tùy từng vị trí so với đợt đo trước đó và cùng kỳ năm ngoái. Các vị trí đều đạt tiêu chuẩn để cấp cho thủy lợi.

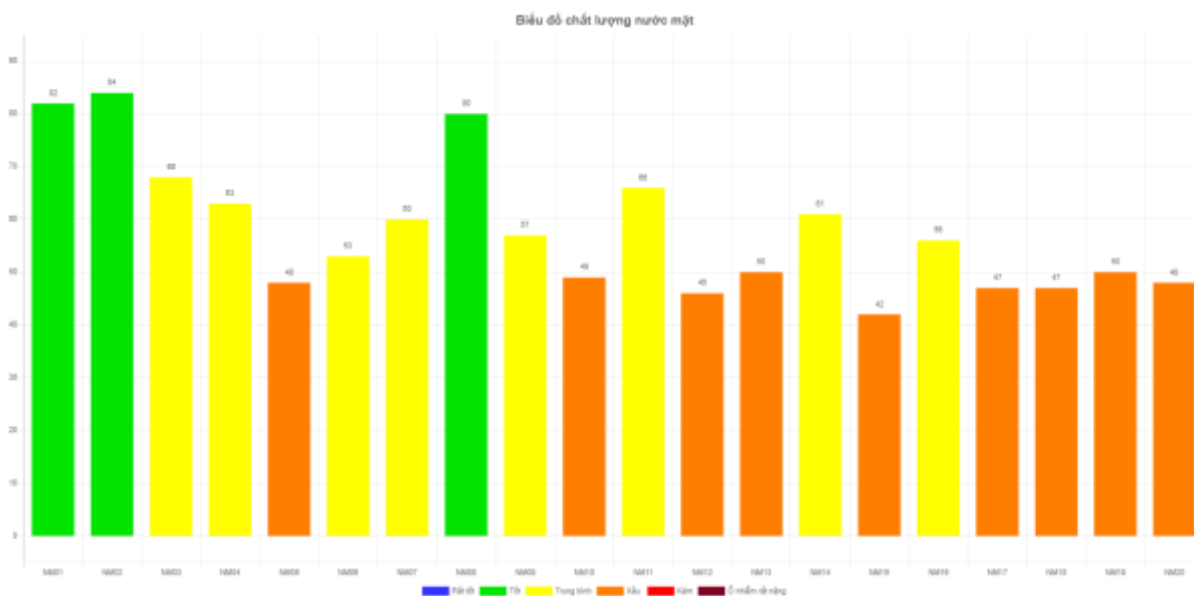
Chỉ tiêu NO<sub>3</sub><sup>-</sup> đợt 1 tháng 3 năm 2023 tăng giảm tùy từng vị trí so với đợt đo trước đó và cùng kỳ năm ngoái. Các vị trí đều đạt tiêu chuẩn để cấp cho thủy lợi.

Chỉ tiêu BOD<sub>5</sub> đợt 1 tháng 3 năm 2023 tăng giảm tùy từng vị trí so với đợt đo trước đó và cùng kỳ năm ngoái.

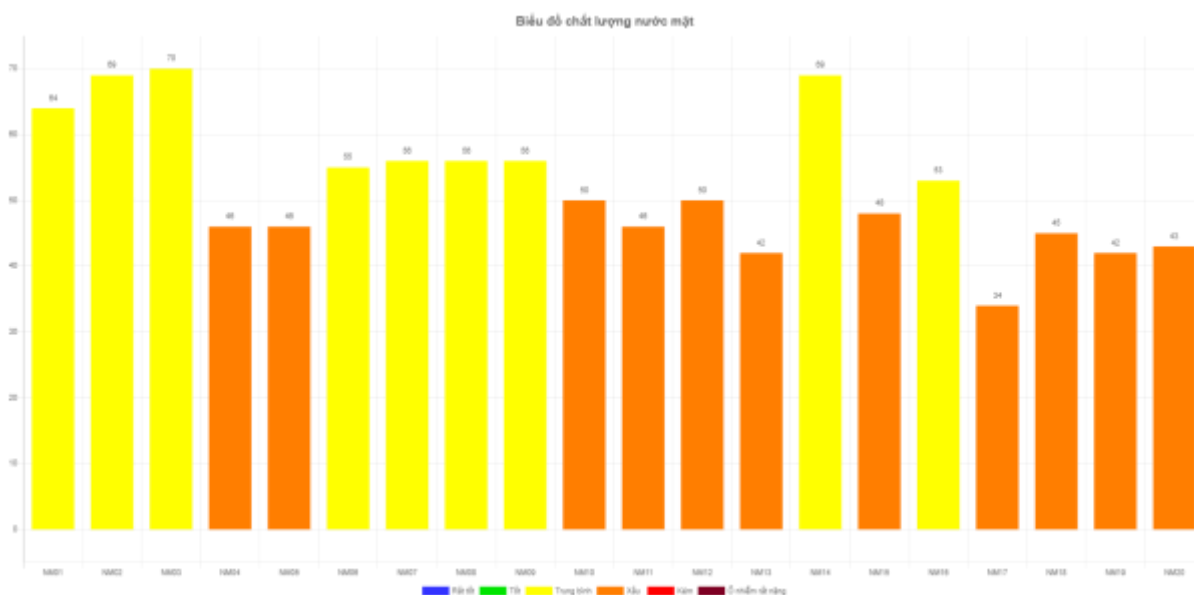
Chỉ tiêu NH<sub>4</sub><sup>+</sup> đợt 1 tháng 3 năm 2023 cao hơn so với cùng kỳ năm ngoái tại tất cả các vị trí.

#### 4. Kết quả chỉ số chất lượng nước (WQI)

##### Bản đồ giá trị WQI của đợt 1 tháng 3 năm 2023



##### Bản đồ giá trị WQI của đợt 2 tháng 2 năm 2023



Kết quả tính toán WQI vào đợt 1 tháng 3 năm 2023 tại 20 vị trí khảo sát có thể thấy chất lượng nước Đ1T3 năm 2023 tốt hơn so với thời điểm khảo sát trước đó vào Đ2T2. Chỉ số WQI đợt này có 11 vị trí cho nước đạt loại III (100-51) đủ điều kiện cấp cho mục đích tưới tiêu thủy lợi, 9 vị trí cho nước đạt loại IV (50-26) đủ điều kiện cấp cho mục đích giao thông thủy.

**II. Dự báo chất lượng nước tuần từ ngày 08/03/2023 đến ngày 14/03/2023**

**1. Diễn biến thủy văn và lịch sản xuất trong tuần**

**Bảng 1: MỨC NƯỚC TẠI CÔNG, TRẠM BƠM**

TT	Tên công trình	Mức nước thiết kế (m)			MNTĐ trung bình tuần trước (m)	Mức nước dự báo tuần tới: (m)			Đánh giá
		Min	Max	Thiết kế		Trung bình	Max	Min	
1	TB. Như Trác	-0,20	+2,50	1,1	0,9	0,5	1,3	0,0	Giảm
2	TB. Hữu Bị	-0,30	+2,20	0,8	0,9	0,5	1,3	-0,1	Giảm
3	TB. Cốc Thành	-0,30	+1,80	0,8	0,9	0,4	1,3	-0,2	Giảm
4	TB. Cỏ Đam	-0,30	+1,80	0,8	0,6	0,4	0,9	0,0	Giảm
5	TB. Nhâm Tràng	-0,18	+2,50	0,9	0,6	0,4	0,9	0,0	Giảm
6	TB. Vĩnh Trị	-0,30	+1,80	0,8	0,6	0,4	1,1	-0,2	Giảm

**Bảng 2: KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC TẠI CÔNG, TRẠM BƠM**

TT	Tên công trình	Mức nước thiết kế (m)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Mức nước dự báo tuần tới: (m)			Ghi chú
				Dự báo MNTB so với TK (+/-: m)	Khả năng cấp nước của công trình (%)	Diện tích bảo đảm tưới (ha)	
1	TB. Như Trác	1,1	7512	-0,5	100,0	7512,0	Giảm
2	TB. Hữu Bị	0,8	7501	-0,3	100,0	7501,0	Giảm
3	TB. Cốc Thành	0,8	8536	-0,4	100,0	8536,0	Giảm
4	TB. Cỏ Đam	0,8	9651	-0,4	100,0	9651,0	Giảm
5	TB. Nhâm Tràng	0,9	4415	-0,5	100,0	4415,0	Giảm
6	TB. Vĩnh Trị	0,8		-0,4	0,0	0,0	Giảm

## 2. Dự báo tình hình chất lượng nước trong tuần

DO									B1- QCVN 08- 2015
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo							
		08/03	09/03	10/03	11/03	12/03	13/03	14/03	
Cống Như Trác	6,700	4,610	4,610	4,610	4,610	4,610	4,610	4,610	≥ 4
Cống Hữu Bị	6,550	6,463	6,469	6,472	6,466	6,446	6,409	6,359	≥ 4
Cống Cốc Thành	5,800	5,938	5,861	5,831	5,817	5,808	5,803	5,799	≥ 4
Cống sông Chanh	6,200	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	≥ 4
Cống Nhâm Tràng	5,170	5,483	5,543	5,567	5,578	5,585	5,589	5,592	≥ 4
Cống Kinh Thanh	5,030	5,818	5,822	5,833	5,844	5,851	5,856	5,859	≥ 4
Cống Cỏ Đam	5,620	5,607	5,656	5,701	5,732	5,751	5,763	5,771	≥ 4
Cống Vĩnh Trị	6,100	4,774	4,801	4,823	4,841	4,857	4,869	4,880	≥ 4
Đầu kênh T3	5,620	5,170	5,023	4,961	4,928	4,908	4,895	4,885	≥ 4
Đầu kênh C9	5,270	6,017	6,087	6,138	6,182	6,216	6,239	6,244	≥ 4
Cầu đường 10 với sông Sát	5,950	4,987	4,984	4,982	4,980	4,977	4,975	4,973	≥ 4
Đập An Bài (sông Châu Giang)	5,720	6,206	6,244	6,278	6,303	6,309	6,291	6,248	≥ 4
Đầu kênh CG 16	4,480	5,650	5,650	5,650	5,650	5,650	5,650	5,650	≥ 4
Đập La Chợ	6,410	6,206	6,186	6,166	6,138	6,099	6,052	5,999	≥ 4
Đầu kênh S48	4,570	5,020	5,020	5,020	5,020	5,020	5,020	5,020	≥ 4
Đập Vùa (CG12)	6,690	6,571	6,305	6,004	5,763	5,585	5,452	5,351	≥ 4
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	3,540	4,091	4,018	4,024	4,089	4,110	4,202	4,179	≥ 4
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	5,090	5,442	5,919	6,209	6,373	6,472	6,536	6,580	≥ 4
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	4,700	4,704	4,691	4,689	4,689	4,689	4,689	4,689	≥ 4
Đầu kênh T6	5,930	5,638	5,507	5,456	5,431	5,416	5,407	5,400	≥ 4

NO <sub>3</sub> <sup>-</sup>									B1- QCVN 08- 2015
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo							
		08/03	09/03	10/03	11/03	12/03	13/03	14/03	
Cổng Như Trác	0,135	0,170	0,170	0,170	0,170	0,170	0,170	0,170	≤ 10
Cổng Hữu Bị	0,158	0,453	0,453	0,455	0,465	0,490	0,531	0,585	≤ 10
Cổng Cốc Thành	0,380	0,824	0,598	0,934	0,093	0,184	0,242	0,283	≤ 10
Cổng sông Chanh	0,317	0,301	0,301	0,302	0,302	0,302	0,302	0,302	≤ 10
Cổng Nhâm Tràng	0,743	0,926	0,806	0,759	0,736	0,723	0,715	0,710	≤ 10
Cổng Kinh Thanh	3,150	3,763	3,742	3,715	3,691	3,675	3,664	3,658	≤ 10
Cổng Cỏ Đam	0,608	1,049	0,942	0,853	0,793	0,758	0,736	0,723	≤ 10
Cổng Vĩnh Trị	0,191	0,507	0,478	0,453	0,433	0,417	0,407	0,404	≤ 10
Đầu kênh T3	0,331	0,459	0,444	0,731	1,080	1,290	1,430	1,531	≤ 10
Đầu kênh C9	8,550	8,435	8,322	8,239	8,169	8,112	8,070	8,049	≤ 10
Cầu đường 10 với sông Sắt	0,203	0,157	0,160	0,171	0,195	0,234	0,283	0,340	≤ 10
Đập An Bài (sông Châu Giang)	0,857	1,075	1,015	0,959	0,915	0,892	0,898	0,931	≤ 10
Đầu kênh CG 16	1,755	1,800	1,800	1,800	1,800	1,800	1,800	1,800	≤ 10
Đập La Chợ	0,070	0,057	0,095	0,152	0,233	0,333	0,445	0,561	≤ 10
Đầu kênh S48	1,710	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	≤ 10
Đập Vùa (CG12)	0,230	0,226	0,497	0,810	1,061	1,248	1,387	1,493	≤ 10
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	1,913	1,691	1,645	1,625	1,651	1,725	1,832	1,956	≤ 10
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	1,643	1,297	1,423	1,906	1,619	1,449	1,341	1,269	≤ 10
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	3,870	3,997	4,298	4,329	4,333	4,333	4,334	4,334	≤ 10
Đầu kênh T6	0,252	0,372	0,391	0,463	0,438	0,394	0,495	0,566	≤ 10

<b>BOD<sub>5</sub></b>									<b>B1- QCVN 08- 2015</b>
<b>Vị trí</b>	<b>Thực đo</b>	<b>Tuần dự báo</b>							
		<b>08/03</b>	<b>09/03</b>	<b>10/03</b>	<b>11/03</b>	<b>12/03</b>	<b>13/03</b>	<b>14/03</b>	
Cống Như Trác	10,300	17,801	17,801	17,801	17,801	17,801	17,801	17,801	≤ 15
Cống Hữu Bị	9,100	7,318	7,334	7,360	7,436	7,597	7,851	8,183	≤ 15
Cống Cốc Thành	15,500	14,815	15,256	15,446	15,546	15,609	15,653	15,688	≤ 15
Cống sông Chanh	12,400	12,608	12,608	12,608	12,608	12,608	12,608	12,608	≤ 15
Cống Nhâm Tràng	16,900	18,422	18,017	17,862	17,789	17,747	17,721	17,704	≤ 15
Cống Kinh Thanh	22,400	17,868	17,893	17,845	17,791	17,749	17,722	17,705	≤ 15
Cống Cỏ Đam	18,400	16,669	16,425	16,167	15,983	15,871	15,802	15,757	≤ 15
Cống Vĩnh Trị	15,500	12,497	12,567	12,620	12,669	12,718	12,771	12,828	≤ 15
Đầu kênh T3	16,700	17,299	18,174	18,576	18,804	18,956	19,068	19,156	≤ 15
Đầu kênh C9	24,700	19,690	19,787	19,797	19,799	19,799	19,799	19,799	≤ 15
Cầu đường 10 với sông Sắt	16,400	16,303	16,347	16,411	16,488	16,575	16,667	16,760	≤ 15
Đập An Bài (sông Châu Giang)	24,500	14,997	14,769	14,557	14,404	14,364	14,474	14,733	≤ 15
Đầu kênh CG 16	30,700	14,900	14,900	14,900	14,900	14,900	14,900	14,900	≤ 15
Đập La Chợ	15,300	9,882	10,083	10,283	10,519	10,809	11,145	11,509	≤ 15
Đầu kênh S48	34,300	15,700	15,700	15,700	15,700	15,700	15,700	15,700	≤ 15
Đập Vùa (CG12)	21,600	6,605	8,193	9,987	11,422	12,493	13,291	13,899	≤ 15
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	36,800	18,400	18,228	18,191	18,405	18,878	19,531	20,270	≤ 15
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	20,500	15,044	15,993	15,182	15,176	15,581	15,201	15,942	≤ 15
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	26,700	13,329	12,913	12,604	12,347	12,140	12,008	11,977	≤ 15
Đầu kênh T6	18,800	15,716	16,464	16,789	16,961	17,071	17,149	17,210	≤ 15

NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>									B1- QCVN 08- 2015
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo							
		08/03	09/03	10/03	11/03	12/03	13/03	14/03	
Cống Như Trác	5,478	1,544	1,544	1,544	1,544	1,544	1,544	1,544	≤ 0,9
Cống Hữu Bị	1,903	0,315	0,320	0,327	0,339	0,360	0,390	0,429	≤ 0,9
Cống Cốc Thành	3,470	2,384	2,691	2,839	2,910	2,950	2,976	2,994	≤ 0,9
Cống sông Chanh	0,910	0,596	0,597	0,597	0,597	0,597	0,597	0,597	≤ 0,9
Cống Nhâm Tràng	2,605	3,925	3,911	3,907	3,905	3,905	3,904	3,904	≤ 0,9
Cống Kinh Thanh	1,888	4,310	4,337	4,348	4,353	4,355	4,356	4,357	≤ 0,9
Cống Cỏ Đam	1,010	6,123	6,165	6,178	6,181	6,181	6,181	6,181	≤ 0,9
Cống Vĩnh Trị	0,838	0,773	0,787	0,798	0,807	0,816	0,826	0,838	≤ 0,9
Đầu kênh T3	1,183	2,243	2,912	3,211	3,363	3,455	3,517	3,563	≤ 0,9
Đầu kênh C9	1,463	4,019	4,189	4,207	4,209	4,209	4,209	4,209	≤ 0,9
Cầu đường 10 với sông Sắt	0,930	0,891	0,894	0,903	0,921	0,946	0,976	1,011	≤ 0,9
Đập An Bài (sông Châu Giang)	2,153	0,537	0,525	0,515	0,510	0,516	0,536	0,571	≤ 0,9
Đầu kênh CG 16	5,715	0,740	0,740	0,740	0,740	0,740	0,740	0,740	≤ 0,9
Đập La Chợ	3,330	0,530	0,550	0,580	0,623	0,678	0,740	0,806	≤ 0,9
Đầu kênh S48	3,473	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	≤ 0,9
Đập Vùa (CG12)	2,138	0,317	0,489	0,680	0,833	0,847	0,853	0,898	≤ 0,9
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	6,408	0,928	0,920	0,924	0,954	0,910	0,984	0,966	≤ 0,9
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	2,103	0,870	0,748	0,780	0,744	0,723	0,711	0,704	≤ 0,9
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	1,988	0,632	0,608	0,591	0,577	0,568	0,565	0,572	≤ 0,9
Đầu kênh T6	1,860	2,193	2,720	2,971	3,092	3,161	3,206	3,238	≤ 0,9

Kết quả dự báo DO trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT.

Kết quả dự báo NO<sub>3</sub><sup>-</sup> trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT.

Các vị trí có hàm lượng BOD<sub>5</sub> trong kỳ dự báo vượt giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT như Cống Như Trác, Cốc Thành, Nhâm Tràng, Kinh Thanh, Cỏ Đam, Đầu kênh T3, C9, Cầu đường 10, Đầu kênh S48, Cầu Chủ, Cầu Yên Trung, Đầu kênh T6.

Kết quả dự báo NH<sub>4</sub><sup>+</sup> trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT trừ các vị trí Cống Như Trác, Cốc Thành, Nhâm Tràng, Kinh

Thanh, Cổ Đàm, Đâu kênh T3, C9, Cầu đường 10, Đâu kênh S48, Cầu Chủ, Đâu kênh T6.

### **III. Các đề xuất, kiến nghị**

#### **1. Nhận xét**

Số liệu dự báo cũng cho thấy các điểm vượt giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT trong 7 ngày dự báo nhiều hơn so với tuần 5.

#### **2. Đề xuất**

Đề nghị Công ty KTCTTL Bắc Nam Hà tiếp tục tận dụng triều để trao đổi nước sông và trong hệ thống, tăng cường vận hành các công để đưa nước vào hệ thống. Mở cống Hữu Bị lấy nước vào sông Châu Giang từ đó mở Đập An Bài lấy nước vào sông Sắt. Tùy thuộc vào mực nước có thể mở Vĩnh Trị và Sông Chanh đưa nước vào nội đồng.

#### **3. Dự báo chung**

Với dự báo lượng mưa và mực nước như dự báo ở trên thì mức độ ô nhiễm chất lượng nước trong HTCTTL Bắc Nam Hà sẽ tăng. Hàm lượng các thông số như BOD<sub>5</sub>, NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, NO<sub>3</sub><sup>-</sup> sẽ có xu hướng tăng, hàm lượng Oxy hòa tan trong nước sẽ có xu hướng giảm./.

#### **Nơi nhận:**

#### **VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI**

- Tổng cục Thủy lợi;
- Viện kỹ thuật TNN;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Thủy lợi Bắc Nam Hà;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Nam Định;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.